

Bản án số: 117/2024/HNGĐ- ST

Ngày: 10-12-2024

V/v tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN MỎ CÀY BẮC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Diễm

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Thu Vân
2. Ông Phan Thành Phước

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc tham gia phiên tòa:
Ông Phan Trọng Thế - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 12 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 304/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 271/2024/QĐST-HNGĐ ngày 08 tháng 11 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 198/2024/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 11 năm 2024 giữa:

1. Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cẩm T, sinh năm 1991; Nơi cư trú: ấp H, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

2. Bị đơn: Anh Mai Tấn T1, sinh năm 1990; Nơi cư trú: ấp X, xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre.

Chị T có đơn xin vắng mặt, anh T1 vắng mặt không lý do

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 20/8/2024 cũng như trong quá trình tố tụng chị Nguyễn Thị Cẩm T trình bày:

Chị và anh T1 do quen biết tự nguyện tiến đến hôn nhân vào năm 2011 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre vào ngày 23/8/2012. Thời gian đầu vợ chồng chung sống rất hạnh phúc và có với nhau 01 con chung tên Mai Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/8/2012. Đến đầu năm 2023 vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng thường xuyên cãi vã dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng nên vợ chồng đã ly thân từ tháng 5

năm 2024 cho đến nay. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn đối với anh T1.

Về con chung: Sau khi ly hôn chị yêu cầu anh T1 được trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/8/2012, chị không cấp dưỡng nuôi con.

Về T1 sản chung: không có.

Về nợ chung: Không có

Anh Mai Tấn T1 vắng mặt tại phiên tòa cũng như trong suốt quá trình tố tụng nên không có lời trình bày.

Theo biên bản lấy ý kiến con chưa thành niên ngày 05/12/2024 cháu Mai Nguyễn Bảo K trình bày: Hiện cháu đang sống chung với cha, sau khi cha mẹ ly hôn cháu có nguyện vọng sống chung với cha. Đây là ý kiến tự nguyện của cháu không ai ép buộc.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc phát biểu quan điểm cho rằng:

- Về tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật Tố tụng dân sự và các văn bản liên quan quy định. Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên vi phạm quy định tại Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung:

Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 cụ thể:

+ Về hôn nhân: chị T và anh T1 được ly hôn với nhau.

+ Về con chung: Sau khi ly hôn anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Bảo K, sinh ngày 23/8/2012, chị T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh T1 không yêu cầu.

+ Về T1 sản chung: chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

+ Về nợ chung: chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các T1 liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và kết quả tranh luận, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện đề ngày 20/8/2024 của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Mai Tấn T1 thì vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình*”. Quan hệ pháp luật tranh chấp nêu trên được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc.

Anh Mai Tấn T1 có nơi cư trú tại xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, Tòa

án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc thụ lý đúng thẩm quyền.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc đã tổng đạt hợp lệ giấy triệu tập tham gia phiên tòa cho anh T1 đến để tham gia phiên tòa nhưng anh T1 vắng mặt không rõ lý do đồng thời trong quá trình tố tụng chị T có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt . Do đó, căn cứ khoản 1 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án nhân dân huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre tiến hành xét xử vắng mặt đối với anh T1 và chị T là phù hợp.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Mai Tấn T1 tự nguyện tiến tới hôn nhân và đăng ký kết hôn vào ngày 13/8/2012 tại UBND xã T, huyện B, tỉnh Bến Tre nên được xem là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ. Anh chị cũng có thời gian chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2024 thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn và đã ly thân từ tháng 5 năm 2024 cho đến nay. Xét thấy, yêu cầu xin ly hôn của chị T là có căn cứ nên được chấp nhận, bởi lẽ anh T1 và chị T đã có thời gian ly thân, mỗi người có cuộc sống riêng, không còn quan tâm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống. Xét thấy tình cảm vợ chồng giữa chị T và anh T1 đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T đối với anh T1 là phù hợp.

2.2. Về con chung:

Trong thời gian chung sống chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Mai Tấn T1 có 01 con chung tên Mai Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/8/2012. Hiện cháu K đang sống với anh T1, cháu K cũng có nguyện vọng sống cùng anh T1 đồng thời chị T cũng yêu cầu anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh T1 cũng không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Do đó, để đảm bảo cuộc sống của cháu K không bị thay đổi, không làm ảnh hưởng đến tâm lý của cháu, Hội đồng xét xử thấy rằng nên giao cháu K cho anh T1 trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp.

Về mức cấp dưỡng nuôi con: Do anh T1 không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

2.3 Về T1 sản chung: chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

2.4 Về nợ chung: chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Cẩm T phải có nghĩa vụ nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147 điểm, khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ các điều 51, 53, 54, 56, 58, 59, 81, 82, 83, 84, 107, 110, 116 và Điều 117 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Cẩm T đối với anh Mai Tấn T1, cụ thể tuyên:

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Cẩm T và anh Mai Tấn T1 được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Sau khi ly hôn anh Mai Tấn T1 trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên Mai Nguyễn Bảo K, sinh ngày 23/8/2012, chị Nguyễn Thị Cẩm T không phải cấp dưỡng nuôi con do anh Mai Tấn T1 không yêu cầu.

Chị Nguyễn Thị Cẩm T được quyền đến thăm, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3 Về T1 sản chung: chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: chị T khai không có nên không xem xét giải quyết.

5. Về án phí:

Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng chị Nguyễn Thị Cẩm T có nghĩa vụ nộp nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004523 ngày 14/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Mô Cày Bắc, tỉnh Bến Tre.

“ Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự”.

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đối với người vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND Bến Tre (1b);
- VKSND huyện Mô Cày Bắc (2b);
- Chi cục THADS huyện Mô Cày Bắc (1b);
- UBND xã T(1b);
- Những người tham gia tố tụng (2b);
- Lưu HS, VP, THA (4b).

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Diễm